

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Quảng Nam, ngày 17 tháng 4 năm 2018

BIÊN BẢN
Thẩm định quyết toán ngân sách năm 2017

Đơn vị được thẩm định: Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông tỉnh Quảng Nam

I. Thành phần thẩm định:

Đại diện Đơn vị thẩm định: Sở Thông tin và Truyền thông

Ông: Phạm Hồng Quảng - Giám đốc

Ông: Đỗ Minh Tiến - TP Kế hoạch tài chính

Bà: Phan Nguyễn Thiên Thu - Kế toán trưởng

Đại diện Đơn vị được thẩm định: Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông tỉnh Quảng Nam

Ông: Trương Thanh Bình - Giám đốc

Bà: Lưu Thị Thương - Kế toán

II. Nội dung thẩm định:

1. Phạm vi thẩm định:

Quyết toán ngân sách năm 2017

2. Số liệu quyết toán:

Thu, chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng số thu trong năm : 2.547.154.499 đồng

- Số chi trong năm: 2.496.127.636 đồng

- (Số liệu chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm)

Quyết toán chi ngân sách:

- Tổng dự toán được giao trong năm: 846.000.000 đồng

- Tổng số kinh phí quyết toán: 846.000.000 đồng

- (Số liệu chi tiết theo phụ lục 02 đính kèm)

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Đơn vị lập và gửi báo cáo tài chính năm kịp thời.

2. Số liệu báo cáo quyết toán khớp đúng với số liệu dự toán, thanh quyết toán với ngân sách nhà nước về tổng số và chi tiết.

Đơn vị mở các loại sổ sách kế toán đảm bảo theo quy định.

Đại diện Đơn vị thẩm định

Thủ trưởng đơn vị


Phạm Hồng Quảng

Đại diện Đơn vị được thẩm định

Thủ trưởng đơn vị


Trương Thanh Bình



PHỤ LỤC SỐ 01

(Kèm theo biên bản thẩm định quyết toán năm 2017)

STT	Chi tiêu	Số báo cáo	Số xét duyệt
1	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối năm trước chuyển sang	1.174.898	1.174.898
2	Thu trong năm	2.547.154.499	2.547.154.499
3	Chi trong năm	2.496.127.636	2.496.127.636
4	Chênh lệch thu chi trong năm (01 + 02 - 03)	52.201.761	52.201.761
5	Nộp ngân sách nhà nước	10.440.352	10.440.352
6	Nộp cấp trên		0
7	Bổ sung nguồn kinh phí		0
8	Trích lập các quỹ	41.761.409	41.761.409
	(Trong đó: trích bổ sung quỹ CCTL)	16.705.000	16.705.000
9	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối năm	0	0

PHỤ LỤC SỐ 02
(Kèm theo biên bản thẩm định quyết toán năm 2017)

Phần I: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ



Chỉ tiêu	Tổng cộng	Số báo cáo		Số thẩm định	
		Kh 463	Kh 554	Kh 463	Kh 554
1. Số dư năm trước chuyển sang	0	0	0	0	0
- Kinh phí đã nhận	0	0	0	0	0
- Dự toán còn lại ở kho bạc	0	0	0	0	0
2. Dự toán được giao trong năm	846.000.000	216.000.000	630.000.000	216.000.000	630.000.000
3. Tổng số được sử dụng trong năm	846.000.000	216.000.000	630.000.000	216.000.000	630.000.000
4. Kinh phí thực nhận trong năm	846.000.000	216.000.000	630.000.000	216.000.000	630.000.000
5. Kinh phí quyết toán trong năm	846.000.000	216.000.000	630.000.000	216.000.000	630.000.000
6. Kinh phí giảm trong năm	0	0	0	0	0
7. Số dư chuyển sang năm sau	0	0	0	0	0
- Kinh phí đã nhận					
- DT còn ở kho bạc					

Phần II: CHI TIẾT KINH PHÍ QUYẾT TOÁN

Chỉ tiêu	Tổng cộng	Số báo cáo		Số thẩm định	
		Kh 463	Kh 554	Kh 463	Kh 554
Tổng số:	846.000.000	216.000.000	630.000.000	216.000.000	630.000.000
6000	493.472.096	179.551.896	313.920.200	179.551.896	313.920.200
6001	493.472.096	179.551.896	313.920.200	179.551.896	313.920.200
6100	19.262.500		19.262.500		19.262.500
6101	19.262.500		19.262.500		19.262.500
6300	103.265.404	36.448.104	66.817.300	36.448.104	66.817.300
6301	84.489.876	29.821.176	54.668.700	29.821.176	54.668.700
6302	14.081.646	4.970.196	9.111.450	4.970.196	9.111.450
6304	4.693.882	1.656.732	3.037.150	1.656.732	3.037.150
6750	69.469.440		69.469.440		69.469.440
6751	69.469.440		69.469.440		69.469.440
7000	160.530.560		160.530.560		160.530.560
7012	160.530.560		160.530.560		160.530.560